

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN
VÀ NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 824 /TCĐCĐ-ĐT
V/v cung cấp dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp
đến ngày 31/12/2023

Cần Thơ, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp

Thực hiện yêu cầu của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp về việc cung cấp dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp, Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ cung cấp thông tin cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy từ ngày 14/3/2023 – 31/12/2023 (phụ lục kèm theo).

Tổng số bằng cấp nhật lần này là: 340

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Lương Văn Đài

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG - HỆ: CHÍNH QUY
NĂM 2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
1	LƯU TRIỀU DĨ	30/3/2002	Cao đẳng	Thú y	Chính quy	2023	Giỏi	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00162
2	PHAN KIỀU DIỄM	03/7/2002	Cao đẳng	Thú y	Chính quy	2023	Giỏi	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00163
3	TRƯƠNG GIA BẢO	14/9/2002	Cao đẳng	Thú y	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00164
4	LÝ THẾ AN	11/5/2002	Cao đẳng	Thú y	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00165
5	LÊ VĂN HUỠNG	15/9/1994	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Giỏi	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00166
6	TRẦN QUỐC DUY	27/9/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00167
7	NGUYỄN HUỲNH THÀNH	01/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00168
8	ĐINH MINH NGHĨA	18/12/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00169
9	HUỲNH QUỐC VINH	31/1/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00170
10	NGUYỄN CÔNG NGHIỆP	29/8/2001	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00171
11	HUỲNH MINH TIẾN	02/02/1998	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00172
12	NGUYỄN CHÍ NGHIỆM	12/6/2001	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00173
13	NGUYỄN QUANG THẮNG	19/6/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00174
14	PHAN DUY ĐẠT	16/6/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00175
15	PHẠM TRUNG HIỂU	20/8/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00176
16	LÝ THANH TÂN	21/1/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00177
17	TRẦN ÂU TÓ TÂM	20/6/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00178
18	TRƯƠNG MINH NHỚ	08/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00179
19	LÝ TRUNG TÍN	13/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00180
20	LƯU MINH ĐIỀN	11/11/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00181
21	MAI KHÁNH HUY	05/02/2001	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00182

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
22	NGUYỄN QUANG VINH	07/5/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00183
23	LÊ TRỌNG HUYNH	12/11/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00184
24	NGUYỄN HOÀNG ĐO	12/12/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00185
25	TRẦN THẾ KIẾT	08/01/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00186
26	NGUYỄN MINH TRỌNG	17/5/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00187
27	NGUYỄN VĂN HIẾU	24/7/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00188
28	LÝ THANH HÙNG	01/7/2001	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00189
29	HUYNH DƯ	21/12/2001	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00190
30	LÊ MINH NHỰT	11/9/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00191
31	HUYNH TIẾN THANH	14/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00192
32	CHAU RA UỒN	11/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00193
33	NGUYỄN ĐỨC THỌ	02/9/2000	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00194
34	TRIỆU THỊ THU HƯƠNG	01/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00195
35	LƯU TÁN TÀI	02/11/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00196
36	LÂM HUYNH THỐNG	15/8/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00197
37	DANH THANH HAI	25/10/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00198
38	TÔ THỊ HƯƠNG	29/7/2001	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00199
39	VÕ NGUYỄN PHÚC	07/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00200
40	VÕ THANH TRUNG	18/8/1998	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00201
41	THẠCH XIÊM	19/8/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00202
42	TRANG PHÁT TÀI	11/4/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00203
43	PHAN MINH THÔNG	10/8/1997	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Giỏi	97	20/3/2023	CĐ 00204
44	LÊ HOÀNG NHỰT	12/2/1999	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00205
45	NGUYỄN NHẬT HẢO	24/6/2001	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00206
46	KIÊN VĂN THO	21/6/2001	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00207
47	BÙI CÔNG THÀNH	26/4/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00208
48	LÊ MINH XUÂN	04/12/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00209
49	NGUYỄN TUẤN HUY	11/10/2001	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00210
50	NGÔ HOÀNG THỊNH	16/4/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Khá	97	20/3/2023	CĐ 00211
51	ĐO THANH TOÀN	07/2/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	20/3/2023	CĐ 00212

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
52	BUI MINH THUAN	07/12/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00213
53	TANG TIN	10/11/2001	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Trung bình khá	97	14/3/2023	20/3/2023	CD 00214
54	NGUYEN THI QUANH	07/10/1990	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00803
55	VO CHI KHANG	10/8/1999	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00804
56	TRINH THANH DANH	01/01/1986	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00805
57	LAM VAN BEN	06/2/1985	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00806
58	PHAM VAN NGUYEN	01/7/1973	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00807
59	NGUYEN VAN PHU	01/1/1967	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00808
60	NGUYEN HUU DANH	01/1/1989	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00809
61	DU VAN SI	08/10/1972	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00810
62	DO THI HA	06/9/2003	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00811
63	PHAM THI TRANG	08/6/1987	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00812
64	NGUYEN THI NHUNG	01/1/1977	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00813
65	PHAM HONG QUAN	04/12/1996	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00814
66	TRAN CO QUYET	17/6/1991	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00815
67	LE THANH LUC	01/7/1986	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00816
68	PHAN HUNG DUNG	29/4/1973	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00817
69	NGUYEN DUY KHANH	03/6/1997	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00818
70	ĐANG CONG HAU	25/4/2000	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00819
71	PHAM VAN LAP	03/8/1992	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00820
72	NGUYEN QUOC AN	18/6/2000	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00821
73	NGUYEN THI HIEN	1986	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00822
74	TRAN HONG NHUNG	09/4/2003	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Xuất sắc	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00823
75	NGUYEN XUAN THAO	14/4/1999	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Xuất sắc	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00824
76	TRAC NGAN THUY	18/10/2005	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Giỏi	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00825
77	HO THI MY CHI	25/4/2005	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00826
78	NGUYEN NHU NGOC	12/9/2005	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00827
79	NGUYEN TRUC LY	14/1/2005	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00828
80	LE CAT TUONG	09/11/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00829

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
81	NGUYỄN HOÀNG LAN	29/11/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00830
82	LÂM HỒ DIỆP	18/9/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00831
83	TRẦN HỮU THỊNH	18/8/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00832
84	TỬ ANH HUY	20/12/2004	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00833
85	LÝ HOÀI NAM	26/11/2004	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00834
86	PHAN LÊ BÁ KHANG	10/2/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00835
87	TÔ KIỀU NGỌC TRÂM	31/7/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00836
88	HUỶNH THANH TRÚC	24/5/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00837
89	NGUYỄN TUẤN KHÔI	29/1/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00838
90	HUỶNH PHẠM GIA BẢO	21/2/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00839
91	ĐÔNG THUY TIẾN	05/7/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00840
92	NGUYỄN HUỶNH TRÂM	20/10/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00841
93	TRẦN THANH QUÂN	22/02/2004	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00842
94	NGUYỄN THANH ĐẠT	21/02/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00843
95	PHẠM PHÚ QUÍ	02/7/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00844
96	TRẦN NGỌC PHI	21/8/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00845
97	PHAN THANH TRỌNG	30/4/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00846
98	VÕ ANH KHOA	20/11/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00847
99	PHẠM VĂN HIẾU	01/9/2005	Trung cấp	Điện công nghiệp	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00848
100	NGUYỄN NGỌC HÀ	06/01/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00849
101	NGUYỄN MINH THUẬN	29/12/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00850
102	VÕ VĂN NHẬT	25/01/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00851
103	LÊ PHÚ KHANG	12/6/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00852
104	ĐỖ HUY HOÀNG	27/11/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00853
105	NGUYỄN BẢO KHÁNH	26/11/2004	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	98	14/3/2023	20/3/2023	TC 00854
106	ĐÔNG THUY HẰNG	13/2/1997	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00855
107	NGUYỄN HOÀNG KHANG	01/7/1981	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00856
108	NGÔ THANH NHỊ	24/5/1988	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00857
109	LÂM KHILI	02/8/1992	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00858

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
110	PHAN THỊ NGỌC HÂN	02/6/1997	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00859
111	VŨ TRUNG TÂN	08/1/1988	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00860
112	NG. THỊ HOÀNG NGUYỄN	02/6/1979	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00861
113	PHÙNG THỊ BÉ	20/11/2002	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00862
114	BÙI ANH K	20/5/1999	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Giỏi	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00863
115	PHAN VĂN MUỘI	01/7/1984	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00864
116	MAI THỊ LỰA	01/01/1983	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00865
117	ĐOÀN THỊ MỸ HÒA	20/10/2000	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00866
118	LÊ VĂN BẾN	01/01/1980	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00867
119	CHÂU ĐIỀN DUY	28/3/2002	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00868
120	ĐÌNH ANH HUỖN	7/4/2000	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00869
121	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	01/01/1988	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00870
122	LÊ HỒNG BẢO NGỌC	13/4/2004	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00871
123	PHAN VĂN THIẾT	1984	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00872
124	QUÁCH TÌNH	02/01/1990	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00873
125	LÂM THỊ Á	28/3/1994	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00874
126	LÊ PHÚ TUYẾN	25/4/1993	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00875
127	NGUYỄN HIỀN NĂNG	28/12/1994	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00876
128	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	16/1/2005	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00877
129	NGUYỄN THANH PHONG	21/7/1979	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00878
130	THẠCH HUỖN RĂNG	10/8/1981	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00879
131	LÂM THẾ HÀO	16/12/1990	Trung cấp	Trồng trọt và BVTV	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00880
132	NGUYỄN THANH CHIẾN	14/7/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00881
133	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	07/02/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00882
134	NGUYỄN THỊ MINH THU	11/2/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00883
135	NGUYỄN TƯỜNG VI	27/5/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00884
136	NGUYỄN PHƯỚC HUY	29/12/2004	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00885
137	NGUYỄN THỊ THÚY QUYẾN	11/6/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00886
138	NGÔ QUANG NHẢ	05/9/2004	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00887

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
139	NG. THỊ THANH THÙY	16/5/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00888
140	NGUYỄN MINH NGHĨA	07/02/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00889
141	TRẦN HOÀNG LONG	30/12/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00890
142	NGUYỄN THÚY VY	27/02/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00891
143	CAO THỊ NGỌC NGÀ	25/3/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00892A
144	LÊ PHI YẾN	15/01/2004	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00893A
145	LÊ PHƯƠNG TÍNH	21/12/1990	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00892
146	VÕ HOÀNG LÂU	11/5/1990	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00893
147	NGUYỄN TRUNG DÂN	08/3/1986	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00894
148	NGUYỄN VĂN SÂN	01/01/1986	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00895
149	HUỲNH VĂN GIỚI	01/01/1965	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00896
150	TRẦN VĂN VŨ	07/01/1971	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00897
151	BUI VĂN KEO	20/9/1964	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00898
152	NGUYỄN VĂN DŨ	01/01/1957	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00899
153	LÊ HOÀNG NAM	19/5/1953	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00900
154	NGUYỄN VĂN HẢI	17/2/1974	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00901
155	NGUYỄN VĂN VIỆT	01/01/1975	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	206	4/5/2023	19/5/2023	TC 00902
156	NGUYỄN CHÍ BẢO	26/7/2002	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00903
157	ĐẶNG THẾ VINH	26/7/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00904
158	NGUYỄN VĂN KHOẢN	12/10/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00905
159	NGUYỄN QUỐC KHAI	29/12/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00906
160	PHÙNG TÂN LỢI	02/10/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00907
161	NGUYỄN TRỌNG SÂM	18/10/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00908
162	NG. HÀ CHÍ NGUYỄN	18/1/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00909
163	BUI TRỌNG HIỆU	31/5/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00910
164	LÊ TÂN ĐẠT	11/5/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00911
165	LÊ VŨ DUY	4/6/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00912
166	NGUYỄN TOÀN ĐÌNH	15/9/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00913
167	ĐẶNG QUANG GIÀU	26/12/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	14/6/2023	19/6/2023	TC 00914

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
168	TRẦN MINH DƯƠNG	23/11/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00915
169	MAI HỮU LUÂN	12/5/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00916
170	ĐẶNG ANH HÓA	11/4/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00917
171	NGUYỄN VĂN ĐỨC	06/02/2002	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00918
172	HUỲNH HOÀNG TÂN	19/9/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00919
173	NG. HOÀNG TRUNG NGHĨA	17/12/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00920
174	TRẦN NHẬT DUY	14/8/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00921
175	PHẠM QUỐC THẮNG	11/01/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00922
176	TRƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	15/2/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00923
177	NGUYỄN THANH TRUNG	11/11/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00924
178	NGÔ VĂN DẸN	03/6/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00925
179	LÊ PHỐ QUÍ	7/11/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00926
180	TRẦN PHÁT TÀI	16/8/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00927
181	HOÀNG QUỐC HUY	22/9/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00928
182	NGUYỄN VĂN NGOAN	12/3/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00929
183	NGUYỄN XUÂN VỸ	28/8/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00930
184	NGUYỄN VŨ DUY	1/10/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00931
185	LƯƠNG VĂN THÔNG	13/8/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00932
186	TRẦN HOÀNG KHÁNH	25/9/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00933
187	TRẦN HOÀNG GIANG	05/01/1991	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	264	19/6/2023	TC 00934
188	CÙ THANH AN	27/4/1996	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	264	19/6/2023	TC 00935
189	NGUYỄN THAI HIỆP	28/6/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	371	18/8/2023	TC 00936
190	BÙI THANH THỊNH	20/01/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	371	18/8/2023	TC 00937
191	NGUYỄN MINH KHA	2/6/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	371	18/8/2023	TC 00938
192	LÊ THANH NAM	14/8/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	371	18/8/2023	TC 00939
193	NGUYỄN MINH ĐẠT	15/3/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	371	18/8/2023	TC 00940
194	HỨA HOÀNG THỊNH	01/3/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	371	18/8/2023	TC 00941
195	PHAN CHÍ LÂM	27/8/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	371	18/8/2023	TC 00942
196	NGÔ TRẦN TIẾN ĐÓ	30/11/2001	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2023	Khá	371	18/8/2023	TC 00943

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
197	ĐOÀN THỊ NHƯ Ý	27/2/2001	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00215
198	NGUYỄN HỮU THUẬN	24/10/1979	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00216
199	HUỲNH THỊ ANH THU	6/4/1991	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00217
200	NGUYỄN QUỐC TRUNG	25/7/1981	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00218
201	LÊ THANH NHIỆM	1985	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00219
202	NGUYỄN LONG CƯỜNG	9/5/1986	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00220
203	LÊ NGỌC THÚY	6/10/1997	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00221
204	TÔ NGỌC HIỀN	02/10/1985	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00222
205	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/8/1981	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Giỏi	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00223
206	TRẦN THỊ MẠNG	25/6/1990	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00224
207	MAI KIM THIẾT	16/12/1991	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00225
208	BÙI THỊ HỮU NHÂN	9/10/1999	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00226
209	DANH BÓI	19/4/1995	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00227
210	TIẾT THỊ NHỊ	19/12/1980	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00228
211	ĐINH HOÀNG KHÂM	7/12/1977	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00229
212	NGÔ HOÀNG THÁI	10/4/1994	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00230
213	VÕ THANH THẢO	02/02/1982	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00231
214	NGUYỄN QUANG THÁI	23/01/1976	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00232
215	NGUYỄN HỮU SANG	16/12/1999	Cao đẳng	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2023	Khá	371	09/8/2023	18/8/2023	CD 00233
216	PHAN THÀNH TIẾN	28/01/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00944
217	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	21/9/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00945
218	ĐẶNG HỒNG QUÂN	08/3/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00946
219	LÊ MINH TIẾN	26/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Giỏi	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00947
220	TRẦN KIM NGỌC	02/01/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00948
221	LÊ THANH PHONG	07/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00949
222	PHAN HOÀNG PHÁT	24/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00950
223	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	15/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00951
224	TRẦN TÂM TINA	15/01/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00952
225	LÊ PHÚC NHUNG	31/5/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00953
226	DƯƠNG THỊ MỸ HIỀN	19/10/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00954
227	VÕ NGUYỄN THẢO VY	04/12/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00955

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
228	NGUYỄN PHÚ THỊNH	28/5/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00956
229	HỒ LÝ TRIỆU	24/02/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00957
230	LÂM VĂN THUỜNG	02/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00958
231	ĐẶNG PHÁT TRIỂN	05/5/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00959
232	TRƯƠNG THANH NAM	22/9/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00960
233	SỬ VĂN VĨ	23/6/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00961
234	SỬ CHÍ NGUYỄN	04/12/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00962
235	TRẦN NHẬT HUY	14/12/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00963
236	TRẦN VĂN QUY	19/5/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00964
237	TRƯƠNG HOÀNG THIÊN	30/09/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00965
238	TRẦN TRỌNG NGHĨA	20/6/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00966
239	PHẠM DUY KHA	04/12/2004	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00967
240	TRẦN VĂN TIẾN	14/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00968
241	BÙI DUY KHOA	23/12/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00969
242	NGUYỄN ANH MINH	26/5/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00970
243	NGUYỄN MINH NHỰT	22/01/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00971
244	HỒ NGỌC SƠN	01/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00972
245	NGÔ BẢO MINH	16/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00973
246	LÊ VĂN NHẬT HẢO	17/01/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00974
247	NGUYỄN TẤN VŨ	10/6/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00975
248	TRẦN VĂN GIÚP	18/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00976
249	PHẠM TUẤN KHANG	01/9/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00977
250	NGUYỄN THAI TOÀN	25/12/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00978
251	TRẦN MINH TRỌNG	29/6/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	TC 00979
252	LÊ QUỐC KHAI	17/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	TC 00980
253	LÊ CÔNG HIỂN	23/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	TC 00982
254	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	27/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00981
255	VŨ THÀNH NGOAN	01/5/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00983
256	NGUYỄN ĐỨC DUY	18/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00984
257	HUỲNH THIÊN TÀI	29/01/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00985
258	LŨ MINH TÍNH	03/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	TC 00986

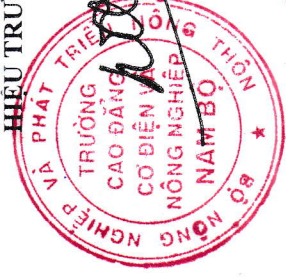
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
259	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	03/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00987
260	MAI HOÀNG DUY	23/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00988
261	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/9/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00989
262	TRẦN MINH NHỰT	07/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00990
263	TRẦN NGUYỄN GIA MINH	07/02/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00991
264	ĐẶNG QUANG MINH	04/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00992
265	LÊ MINH TRUYỀN	08/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00993
266	LÊ THÀNH LỢI	07/9/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00994
267	LÊ PHẠM QUỐC HUY	11/5/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00995
268	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	16/12/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00996
269	TRẦN QUANG NAM	29/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00997
270	PHẠM QUỐC TOÀN	05/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00998
271	TRẦN THÀNH ĐẠT	27/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 00999
272	VÕ NGUYỄN TIẾN TOÀN	19/01/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01000
273	VÕ VĂN TỶ	24/9/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01001
274	QUÁCH CHÍ BÙU	27/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01002
275	TRẦN ĐỨC DUY	02/12/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01003
276	NGUYỄN THANH LỘC	12/12/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01004
277	HỒ THANH NHẢ	17/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01005
278	HUỖNH PHÚC THỊNH	27/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01006
279	PHẠM HOÀNG PHÚ	05/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01007
280	NGUYỄN VĂN CHIÊU	07/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01008
281	TRẦN QUANG TÍNH	13/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01009
282	MAI MINH KHÔI	12/12/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01010
283	NGUYỄN THANH SƠN	05/02/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01011
284	LÊ DUƠNG HOÀI AN	18/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01012
285	TRẦN TUẤN KHANH	10/5/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01013
286	HUỖNH VŨ DUY	18/4/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01014
287	ĐOÀN MINH LUÂN	10/6/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01015
288	LƯƠNG THANH DUY	21/02/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01016
289	DŨ HOÀNG KHÁNH	17/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01017

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
290	NGUYỄN HẢI LÂM	08/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01018
291	NGUYỄN PHÚC THỊNH	29/11/2006	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình khá	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01019
292	NGUYỄN THẾ HẠO	02/01/2005	Trung cấp	Bảo trì và SC ô tô	Chính quy	2023	Trung bình	565	7/9/2023	12/9/2023	TC 01020
293	MAI LÊ VŨ HIỀN	28/11/2001	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Giỏi	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01021
294	ĐẶNG HỒ PHƯỚC LỢI	22/6/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01022
295	NGUYỄN ĐỨC THỌ	02/9/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01023
296	NGUYỄN CHÍ TOÀN	07/6/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01024
297	NGUYỄN HOÀI THỊNH	20/01/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01025
298	NGUYỄN ANH KHOA	29/01/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01026
299	HUYỀN TÂN ĐẠT	24/7/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01027
300	BÙI NHẬT DUY	14/11/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01028
301	TRẦN TÂN ĐẠT	20/02/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01029
302	HUYỀN NGUYỄN PHÁT	06/10/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01030
303	VÕ THÀNH PHÚ	28/01/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01031
304	NGUYỄN VĂN MẾN	02/01/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01032
305	NGUYỄN HOÀNG HỮU	06/3/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01033
306	VŨ THANH BÌNH	10/02/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01034
307	NGUYỄN HOÀI LINH	19/8/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01035
308	NGUYỄN CHÍ NHÃN	04/7/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01036
309	NGUYỄN HẰNG HẢI	03/12/1988	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01037
310	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/3/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01038
311	NGUYỄN ĐỨC DUY	18/10/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01039
312	VŨ TÂN TUỒNG	14/01/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01040
313	ĐINH CÔNG KHANG	22/9/2005	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01041
314	PHAN VĂN SÙNG	08/5/1992	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01042
315	NGUYỄN TRUNG TÍN	24/10/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01043
316	LÊ THANH PHONG	19/6/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01044
317	CHÂU TUẤN PHONG	27/7/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01045
318	ĐẾ QUANG KHÔI	16/12/2006	Trung cấp	Điện CN và dân dụng	Chính quy	2023	Trung bình	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01046
319	TRẦN THỊ THANH NGÂN	07/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2023	Khá	603	25/9/2023	26/9/2023	TC 01047
320	TRẦN TÂN TUẤN	01/12/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Giỏi	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01048

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
321	TRẦN THANH NAM	21/4/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01049
322	NGUYỄN NHƯ Ý	20/6/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01050
323	TRỊNH XUÂN NHÂN	10/8/2000	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Giỏi	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01051
324	VÕ ANH BÌNH	17/8/2003	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Giỏi	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01052
325	ĐỖ CHÍ CÔNG	06/01/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01053
326	NGUYỄN LƯU TRIỆU VỸ	19/7/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01054
327	NGUYỄN THÁI BẢO	04/02/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01055
328	NGUYỄN TÂN LỘC	27/9/2004	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01056
329	NGUYỄN VIỆT HẬU	04/12/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01057
330	TRẦN NHẬT DUY	15/02/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01058
331	NGUYỄN ANH HIỆU	15/8/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01059
332	ĐÀU VĂN HOÀN	12/9/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01060
333	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	20/01/2001	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01061
334	VÕ MẠNH CƯỜNG	12/12/2001	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01062
335	NGUYỄN PHẠM THIÊN	30/9/1995	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01063
336	NGUYỄN THẾ TOÀN	02/7/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01064
337	VÕ VĂN LỢI	25/7/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01065
338	NGUYỄN HỮU NGHĨA	28/8/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01066
339	CHÁU NHUẬN PHÁT	20/11/2006	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình khá	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01067
340	NGUYỄN THANH GIANG	25/3/2005	Trung cấp	KT máy lạnh và ĐHKK	Chính quy	2023	Trung bình	704	23/10/2023	26/10/2023	TC 01068

Danh sách có 340 HSSV tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG



Lương Văn Đài